
CHƯƠNG III

CẬP NHẬT CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH TRONG DOANH NGHIỆP

MỤC TIÊU

- Nhận diện rõ sự khác nhau cơ bản khi thực hiện công tác hạch toán trên máy và kế toán thủ công
- Tăng cường khả năng hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ của từng phân hệ kế toán và các thao tác trên các phần mềm kế toán nhằm thực hiện công tác hạch toán tại các doanh nghiệp
- Giúp sinh viên thực hành thành thạo phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING để theo dõi các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp

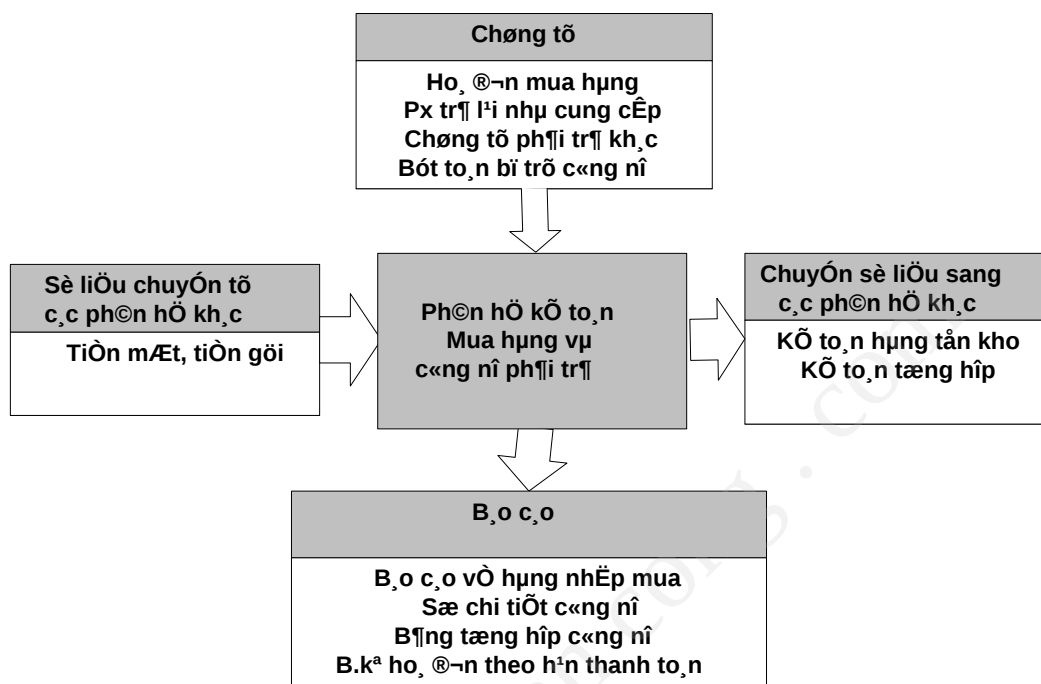
SỐ TIẾT: 15

I. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

I.1 Nhiệm vụ của kế toán mua hàng và công nợ phải trả

- Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng mua vào theo mặt hàng, nhà cung cấp và hợp đồng.
- Tính thuế GTGT của hàng hoá mua vào.
- Theo dõi các khoản phải trả, tình hình trả tiền và tình trạng phải trả cho các nhà cung cấp.
- Cập nhật các phiếu nhập: nội địa, nhập khẩu, chi phí mua hàng, hoá đơn mua dịch vụ.
- Cập nhật các phiếu xuất trả lại nhà cung cấp.
- Cập nhật các chứng từ phải thu khác và chứng từ bù trừ công nợ.
- Theo dõi theo VNĐ và ngoại tệ
- Phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả liên kết số liệu với phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi để có thể lên được các báo cáo công nợ và chuyển số liệu sang phân hệ kế toán tổng hợp, kế toán hàng tồn kho.

Sơ đồ 6: Sơ đồ tổ chức của phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả



1.2 Trình tự cập nhật nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả

✿ Cập nhật chứng từ đầu vào

Phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả có các loại chứng từ đầu vào sau:

- Phiếu nhập mua hàng
- Phiếu nhập khẩu
- Phiếu nhập chi phí mua hàng
- Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp
- Phiếu nhập xuất thẳng
- Hóa đơn mua hàng (dịch vụ)
- Phiếu thanh toán tạm ứng
- Phiếu ghi nợ, ghi có tài khoản công nợ: dùng để hạch toán các bút toán (không liên quan đến hóa đơn) ghi tăng hoặc ghi giảm công nợ.
- Chứng từ bù trừ công nợ: dùng để bù trừ công nợ giữa 2 nhà cung cấp và/hoặc khách hàng.

❁ Cập nhật phiếu nhập mua hàng và phiếu nhập khẩu

- Liên quan đến hạch toán tài khoản nợ (tài khoản vật tư) thì chương trình sẽ tự động hạch toán dựa trên khai báo tài khoản vật tư của mặt hàng trong danh mục hàng hoá, vật tư ở phân hệ kế toán hàng tồn kho.

- Khi tính thuế GTGT chương trình cho phép khai báo có hay không tính thuế chỉ gồm tiền hàng hay gồm cả tiền thuế.

- Trong một số trường hợp đặc biệt một số doanh nghiệp thường xuất hàng cho khách nhưng lại chỉ xuất hoá đơn vào cuối kỳ. Khi này khi nhập hàng về trong kỳ mà chưa có hoá đơn của nhà cung cấp thì phải tạo ra một kho tạm thời để nhập kho. Khi có hoá đơn của nhà cung cấp thì làm phiếu xuất kho từ kho tạm và làm phiếu nhập vào kho chính thức. Việc nhập xuất kho ở kho tạm được thực hiện ở phần quản lý hàng tồn kho. Để việc nhập xuất ở kho tạm không làm ảnh hưởng đến hạch toán thì ở phần tài khoản đối ứng phải nhập tài khoản là tài khoản kho.

❁ Cách thức cập nhật chi phí mua hàng: liên quan đến chứng từ chi phí mua hàng và cách tính giá hàng tồn kho. Dưới đây sẽ trình bày các phương án khác nhau trong việc cập nhật chi phí mua hàng.

- Chi phí mua hàng được tính riêng và cộng vào giá vốn sau đó nhập cùng với phiếu nhập mua trong đó giá vốn đã có tính chi phí mua hàng.

- Tổng chi phí mua hàng được nhập cùng với phiếu nhập mua. Trước tiên ta nhập tổng chi phí mua hàng. Tiếp theo chương trình hỗ trợ phân bổ chi phí mua hàng một cách tự động theo giá trị của các mặt hàng nhập mua, tuy nhiên người sử dụng có thể sửa lại số tiền phân bổ theo ý muốn.

- Chi phí mua hàng được nhập riêng như một chứng từ nhập mua. Chương trình hỗ trợ chọn phiếu nhập mua để phân bổ chi phí.

- Chi phí mua hàng được nhập ở phần "Phiếu nhập chi phí mua hàng". Việc cập nhật riêng ở menu "Phiếu nhập chi phí mua hàng" áp dụng trong trường hợp hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước, khi phải chỉ rõ phiếu xuất kho được lấy ở phiếu nhập nào để có thể tính được giá. Tuy nhiên các phương pháp còn lại cũng có thể sử dụng phiếu này để cập nhật chi phí mua hàng

❁ Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp

- Khi phát sinh nghiệp vụ trả lại hàng nhà cung cấp, ta sẽ cập nhật nghiệp vụ vào phiếu xuất trả lại nhà cung cấp tại phân hệ "Mua hàng và công nợ phải trả".

- Liên quan đến bảng kê thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, trường hợp này bảng kê thuế GTGT đầu vào sẽ ghi âm giá trị hàng mua vào và số tiền thuế GTGT được khấu trừ.

❁ Phiếu nhập xuất thẳng được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Vật tư mua vào được chuyển thẳng cho sản xuất mà không thông qua kho. Trường hợp này thường xảy ra đối với các doanh nghiệp ngành xây lắp.

- Vật tư mua và được xuất cho sản xuất theo đơn hàng...

- Khi sử dụng chứng từ này thì chương trình sẽ tự động tạo ra phiếu xuất.

-
- Cập nhật hoá đơn mua dịch vụ
 - Việc cập nhật hóa đơn dịch vụ tương tự như việc cập nhật phiếu nhập mua hàng nhưng không phải nhập chi tiết từng mặt hàng mà hạch toán trực tiếp vào các tài khoản chi phí.
 - ✿ Phiếu thanh toán tạm ứng dùng để cập nhật các chứng từ có liên quan đến việc nhân viên thanh toán các khoản tạm ứng trước đó. Phiếu thanh toán tạm ứng được cập nhật tương tự như phiếu chi tiền thanh toán cho các chi phí.
 - ✿ Phiếu ghi nợ, ghi có tài khoản công nợ: Loại chứng từ này được dùng để cập nhật các chứng từ phát sinh trong các trường hợp sau:
 - Điều chỉnh tăng các khoản công nợ, các khoản phải trả khác ngoài việc mua hàng hóa, dịch vụ thông thường (loại chứng từ = 1 - Ghi tăng công nợ).
 - Điều chỉnh giảm các khoản nợ nhỏ do chênh lệch khi thanh toán, xóa các khoản nợ (loại chứng từ = 2 - Ghi giảm công nợ chi tiết theo hóa đơn, hoặc loại hóa đơn = 3 - Ghi giảm công nợ không chi tiết theo hóa đơn).
 - Cập nhật các bút toán xử lý giữa công nợ tạm ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp và công nợ mua hàng phải trả cho nhà cung cấp.
 - Cập nhật bút toán bù trừ công nợ giữa 2 tài khoản nhưng cùng 1 nhà cung cấp.
 - Các trường hợp điều chỉnh khác...
 - Màn hình nhập liệu “Phiếu ghi nợ, ghi có tài khoản công nợ” được dùng chung cho cả điều chỉnh tăng và điều chỉnh giảm các khoản công nợ phải trả nên cần chú ý cập nhật các tài khoản ghi nợ, ghi có phù hợp.
 - Trường hợp hạch toán công nợ ngoại tệ liên quan đến tạm ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp và công nợ phải trả thì tài khoản ghi nợ sẽ là tài khoản công nợ phải trả và tài khoản ghi có – tạm ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp, tại trường tỷ giá sẽ cập nhật theo tỷ giá của phiếu chi (hoặc giấy báo nợ/UNC) được ghi nhận khi ứng trước cho nhà cung cấp. Chương trình sẽ tự động hạch toán số tiền chênh lệch giữa tỷ giá trên hóa đơn và tỷ giá ghi nhận ứng trước cho nhà cung cấp.
 - ✿ Chứng từ bù trừ công nợ được dùng để cập nhật các phát sinh bù trừ công nợ giữa 2 nhà cung cấp hoặc giữa 1 nhà cung cấp và một khách hàng.
- Trong trường hợp bù trừ công nợ giữa 2 tài khoản nhưng cùng 1 nhà cung cấp thì có thể cập nhật ở phiếu ghi nợ, ghi có tài khoản công nợ.
- Song song với việc đánh giá chênh lệch tỷ giá vào thời điểm cuối kỳ theo tài khoản và nhà cung cấp ở phân hệ kế toán tổng hợp, việc đánh giá chênh lệch tỷ giá theo hóa đơn được thực hiện, nhằm điều chỉnh số tiền phải trả của các hóa đơn ngoại tệ khi quy về đồng tiền hạch toán trong các báo cáo công nợ theo hóa đơn. Lưu ý việc thực hiện chức năng này không làm ảnh hưởng đến số liệu trên sổ cái mà chỉ làm đánh giá lại số tiền quy đổi ra đồng tiền hạch toán của các hóa đơn vào cuối kỳ.
- ✿ Các thông tin của phiếu nhập mua hàng
- Màn hình nhập liệu của phiếu nhập mua hàng:
-

FAST Phiếu nhập mua hàng - Đơn vị: Chi nhánh Sài Gòn

Mã khách: NBL11 Cty Vật Tư Tổng Hợp Thanh Xuân Số pn: 1

Địa chỉ: Thanh Xuân bắc, Hà Nội MST: 0100866220-1 Ngày ht: 03/01/2004

Ng. giao hàng: Nguyễn văn Năm Ngày lập pn: 03/01/2004

Diễn giải: Nhập kho Vật liệu phụ Tỷ giá: VND 1,00

Mã nx (tk có): 33111 Phải trả cho người bán: hoạt động SXKD (VND) ☒ Chi phí có tính thuế

Hàng hóa | Chi phí | HĐ thuế | F4/F8-Thêm / Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết, Ctrl + <- / -> qua trang trái/phải

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND
VLP1	vật liệu phụ VLP1	Kg	KCC		70 000,00	495,00	34 650 000
VLP2	vật liệu phụ VLP2	Kg	KCC		70 000,00	990,00	69 300 000
VLP3	vật liệu phụ VLP3	Kg	KCC		70 000,00	1 485,00	103 950 000
VLP4	vật liệu phụ VLP4	Kg	KCC		70 000,00	1 980,00	138 600 000
VLP5	vật liệu phụ VLP5	Kg	KCC		70 000,00	2 475,00	173 250 000

☐ Sửa trường tiền

Số lượng: 350 000,00 Tiền hàng: 519 750 000

Chi phí: 5 250 000

Tiền thuế: 52 237 500

Tổng TT: 577 237 500

Trạng thái: 2 0 - Chưa, 1 - Vào sổ kho, 2 - Chuyển vào sổ cái

Lưu Mới Copy In ctừ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

II. Kế toán TSCĐ

II.1 Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ

- Ghi chép, tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ. Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh phù hợp với mức hao mòn TSCĐ và theo đúng chế độ quy định.

- Tính toán, phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng, trang bị thêm, đổi mới, nâng cấp hoặc tháo dỡ làm tăng hoặc giảm nguyên giá TSCĐ cũng như tình hình thanh lý, nhượng bán TSCĐ....

II.2 Hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ

II.2.1 Hạch toán tăng TSCĐ

TSCĐ trong doanh nghiệp tăng có thể do các nguyên nhân: mua sắm, xây dựng mới, nhận vốn góp liên doanh, được cấp, được tặng, biếu hoặc thừa phát hiện khi kiểm kê.

Chứng từ, thủ tục hạch toán tăng TSCĐ

TSCĐ tăng do bất kỳ nguyên nhân nào đều phải do ban kiểm nghiệm TSCĐ làm thủ tục nghiệm thu, đồng thời cùng với bên giao lập “Biên bản giao nhận TSCĐ” (Mẫu 01-TSCĐ) cho từng đối tượng ghi TSCĐ.

Đối với TSCĐ cùng loại, giao nhận cùng lúc do cùng một đơn vị chuyển giao có thể lập chung một biên bản. Sau đó phòng kế toán phải sao cho mỗi đối tượng một bản để lưu vào hồ sơ riêng. Bộ hồ sơ này gồm: biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ khác liên quan. Hồ sơ TSCĐ được lập thành hai bộ: một lưu ở phòng kỹ thuật, một ở phòng kế toán.

Hạch toán chi tiết tăng TSCĐ

Căn cứ vào hồ sơ TSCĐ, phòng kế toán mở thẻ TSCĐ để hạch toán chi tiết TSCĐ theo mẫu thống nhất (Mẫu 02-TSCĐ). Thẻ TSCĐ lập thành hai bản. Bản chính để tại phòng kế toán để theo dõi, ghi chép diễn biến phát sinh trong quá trình sử dụng TSCĐ. Bản sao được giao cho bộ phận sử dụng TSCĐ giữ. Sau khi lập xong, thẻ TSCĐ được đăng ký vào sổ TSCĐ. Sổ TSCĐ lập chung cho toàn doanh nghiệp một quyển, cho từng đơn vị sử dụng mỗi nơi một quyển. Thẻ TSCĐ sau khi lập xong phải được sắp xếp, bảo quản trong hòm thẻ TSCĐ và giao cho cán bộ kế toán TSCĐ giữ và ghi chép theo dõi.

Căn cứ vào đặc trưng của TSCĐ, đặc điểm phân loại TSCĐ của đơn vị và yêu cầu thông tin chi tiết phục vụ cho công tác quản lý TSCĐ hiện có, TSCĐ tăng giảm trong kỳ để tiến hành mở sổ kế toán chi tiết TSCĐ.

+ Trường hợp đơn vị có ít loại TSCĐ và công dụng của TSCĐ có tính chất đặc thù theo nơi sử dụng thì chỉ cần mở sổ chi tiết theo dõi đối tượng ghi TSCĐ kết hợp nơi sử dụng TSCĐ. Nội dung của sổ chi tiết gồm có:

- Phần ghi tăng: cần có các yếu tố định tính như chứng từ, diễn giải nước sản xuất, thời gian sử dụng; các yếu tố định lượng như nguyên giá.
- Phần ghi giảm: cần phải ghi các yếu tố định tính như lý do giảm, các yếu tố định lượng như nguyên giá, giá trị đã hao mòn.
- Phần khấu hao: có các yếu tố như tỷ lệ khấu hao năm, khấu hao lũy kế.

Việc ghi chi tiết vào sổ TSCĐ là ghi đơn nhằm mục đích theo dõi chi tiết từng TSCĐ của đơn vị, tình hình thay đổi nguyên giá và giá trị hao mòn đã trích hàng năm của TSCĐ.

❁ Phân hành kế toán TSCĐ trên máy đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ trên, theo dõi sự biến động cả về mặt số lượng và giá trị TSCĐ. Các loại chứng từ dùng hạch toán TSCĐ tương tự như kế toán thủ công. Tuy nhiên, quá trình ghi chép xử lý (tính toán, tổng hợp số liệu) được thực hiện một cách tự động trên máy với nguyên tắc lưu trữ một lần.

Khi tiến hành công tác kế toán trên máy, trước hết kế toán TSCĐ phải tự thiết lập các tài khoản để mã hoá các đối tượng kế toán: tài sản cố định hữu hình (TK 211), hao mòn TSCĐ (TK 214),... tương ứng với việc mở trang sổ tổng hợp theo dõi biến động TSCĐ hữu hình, hao mòn TSCĐ,....

Trước khi tiến hành hạch toán tổng hợp TSCĐ, kế toán đăng ký danh mục TSCĐ cần theo dõi. Điều này tương ứng với việc mở thẻ tài sản cố định trong kế toán thủ công nhằm theo dõi chi tiết biến động từng loại TSCĐ.

Thông thường phần việc này được thực hiện trước khi đưa phần mềm kế toán vào sử dụng. Tuy nhiên, kế toán có thể sửa chữa nội dung đã được mã hoá trong bảng mã tài khoản, danh mục TSCĐ theo yêu cầu sử dụng, phù hợp hơn với điều kiện thực tế. Tiếp đến, kế toán TSCĐ căn cứ

vào bộ chứng từ theo quy định để cập nhật số liệu vào máy thông qua một phiếu kế toán. Với kế toán máy chỉ cần vào một chứng từ liên quan đến hai hay nhiều tài khoản liên quan, khi đó máy sẽ tự tách chứng từ để ghi vào các loại sổ tương ứng.

II.2.2 Hạch toán giảm TSCĐ

TSCĐ trong doanh nghiệp có thể giảm do các nguyên nhân: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, đem góp vốn liên doanh, trả lại cho các đơn vị tham gia liên doanh, phát hiện thiếu khi kiểm kê, chuyển thành công cụ, dụng cụ....

Chứng từ, thủ tục và hạch toán chi tiết giảm TSCĐ

Chứng từ hạch toán giảm TSCĐ bao gồm: Biên bản thanh lý TSCĐ (mẫu 03-TSCĐ), quyết định và biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng mua bán TSCĐ... Khi hạch toán giảm TSCĐ, kế toán phải làm đầy đủ thủ tục quy định đối với từng trường hợp cụ thể. Hạch toán chi tiết giảm TSCĐ cũng phải ghi sổ, thẻ TSCĐ tương tự như trường hợp hạch toán tăng TSCĐ.

Hạch toán tổng hợp giảm TSCĐ hữu hình

+ Hạch toán nhượng bán, thanh lý TSCĐ

- Trường hợp TSCĐ dùng cho sản xuất kinh doanh: Theo quy định của chế độ tài chính hiện hành, doanh nghiệp có quyền chủ động nhượng bán hoặc thanh lý TSCĐ để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn. TSCĐ thanh lý là những TSCĐ đã lạc hậu, không thể nhượng bán được hoặc bị hư hỏng không có khả năng phục hồi. Khi nhượng bán TSCĐ, doanh nghiệp phải lập hội đồng để xác định giá bán TSCĐ và tổ chức nhượng bán TSCĐ theo các quy định hiện hành. Đối với thanh lý TSCĐ, đơn vị phải lập Hội đồng thanh lý để xác định giá trị thu hồi khi thanh lý và phải lập biên bản thanh lý.

Theo quy định hiện hành, các chi phí liên quan đến nhượng bán hoặc thanh lý TSCĐ (bao gồm cả giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý) và số tiền thu do nhượng bán, thanh lý TSCĐ được hạch toán vào chi phí và thu nhập khác của doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp phải nộp thuế GTGT trên thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Trường hợp TSCĐ dùng cho nhu cầu văn hoá, phúc lợi: Khi nhượng bán, thanh lý TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng quỹ phúc lợi, dùng vào hoạt động phúc lợi theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị phải làm đầy đủ thủ tục cần thiết.

❁ Khi tiến hành công tác kế toán trên máy, trước hết kế toán TSCĐ phải tự thiết lập các tài khoản để mã hoá các đối tượng kế toán: tài sản cố định hữu hình (TK 211), hao mòn TSCĐ (TK 214),.... tương ứng với việc mở trang sổ tổng hợp theo dõi biến động TSCĐ hữu hình, hao mòn TSCĐ,....

III. Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

III.1 Các trường hợp tính giá thành

- Giá thành công trình xây lắp (các danh mục từ điển liên quan, các nguyên tắc tính giá thành công trình xây lắp).

- Giá thành sản phẩm sản xuất liên tục (các danh mục từ điển liên quan, các nguyên tắc tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục)

- Giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng (các danh mục từ điển liên quan, các nguyên tắc tính giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng)

III.2 Kế toán chi phí & tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

III.2.1 Nhiệm vụ

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có nhiệm vụ:

+ Căn cứ đặc điểm tính chất quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm sản phẩm và đơn vị tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp để xác định đối tượng và phương pháp tính giá thành thích hợp.

+ Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm. Tổ chức kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang và tính toán chính xác, kịp thời giá thành và giá thành đơn vị của từng loại sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra. Xác định kết quả hạch toán kinh tế nội bộ của các phân xưởng, bộ phận sản xuất trong doanh nghiệp....

Trong kỳ, khi phát sinh chi phí liên quan đến khoản mục nào, kế toán dùng các tài khoản tương ứng để hạch toán. Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK 621- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp. Khi các chi phí như tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương của nhân công tham gia sản xuất phát sinh, kế toán sử dụng TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp để hạch toán. TK 627- chi phí sản xuất chung dùng để tập hợp chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, những chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình chế tạo sản phẩm, thực hiện các lao vụ, dịch vụ...

III.2.2 Khai báo các thông tin để tính giá thành sản phẩm

Khai báo				Cách cập nhật
1.A. DANH MỤC TỪ ĐIỂN BỘ PHẬN HẠCH TOÁN (dây chuyền, bộ phận sản xuất)				Chọn “Hệ thống\ Danh mục từ điển và tham số tùy chọn\ Danh mục bộ phận hạch toán”
Mã BPHT		Tên BPHT		
PXA		Phân xưởng A		
PXB		Phân xưởng B		
2.A. DANH MỤC PHÂN NHÓM YẾU TỐ CHI PHÍ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Danh mục phân nhóm yếu tố chi phí tính giá thành sản phẩm”
Mã nhóm YTCP		Tên nhóm YTCP		
01		Chi phí NVL		
02		Chi phí nhân công		
03		Chi phí sản xuất chung		
3.A. DANH MỤC YẾU TỐ CHI PHÍ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Danh mục yếu tố chi phí tính giá thành sản phẩm”
Mã YTCP	Tên YTCP	Mã nhóm YTCP	TK Nợ	
ANVL	CP NVL PXA	01	621 PXA	
ANCONG	CP NC PXA	02	622 PXA	
ACPC1	CP NV PXA	03	627 PXA	
4.A. NHẬP ĐỊNH MỨC NVL (Chi tiết cho từng PX, chi tiết đến từng sản phẩm) PXA- SPA				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản

Mã NVL	định mức kế hoạch		
VLC1	10		
VLC2	10		
VLP1	10		
CLP2	10		
5.A. KHAI BÁO TK PHÂN BỐ THEO HỆ THỐNG Mục đích: Nhập hệ số dùng để phân bổ CP nhân công 622PXA hay chi phí chung 627xPXA cho các sản phẩm SPA và SPB trong PXA từ bàn phím Mã BPHT: PXA TK có: 622 PXA (CPNC trực tiếp PXA) (Tương tự: 6271PXA, 6272PXA, 6273 PXA, 6274PXA, 6277PXA, 6278PXA)			Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Khai báo TK phân bổ theo hệ số”
TK Nợ	Mã SP	Hệ Số	
154PXA	SPA	1200	
154PXB	SPB	1300	
6.A. KHAI BÁO TK PHÂN BỐ THEO NVL			
			Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Khai báo TK phân bổ theo NVL”

III.2.3 Cập nhật thông tin đầu kỳ (số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ)

Thông tin cần cập nhật				Cách thực hiện
1.B. SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỞ DANG ĐẦU KỲ Khai báo năm: 2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP</i>				Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ” Chú ý: Vẫn phải cập nhật số dư đầu kỳ của các TK 154PXA và 154PXB theo danh mục TK
BPHT	Mã SP	SL dd	Tiền dd	
PXA	SPA	500	22500000	
PXB	SPB	200	15000000	
2.B. CẬP NHẬT NVL DỞ DANG ĐẦU KỲ Khai báo năm: 2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, Chi tiết đến từng loại NVL</i>				Chọn: KT Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật NVL dở dang đầu kỳ” Chú ý: Vẫn phải cập nhật số dư đầu kỳ của các TK 152x theo danh mục TK
BPHT	Mã SP	Mã NVL	Tiền dở dang	
PXA	SPA	VLC1	5000000	
PXA	SPA	VLC2	10000000	
PXA	SPA	VLP1	2500000	
PXA	SPA	VLP2	5000000	

3.B. SẢN PHẨM DỜ DANG ĐẦU KỲ THEO YẾU TỐ CHI PHÍ Khai báo năm: 2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, chi tiết đến từng yếu tố chi phí</i>				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật sản phẩm dở dang đầu kỳ theo yếu tố chi phí”
BPHT	Mã SP	Mã yếu tố CP	Tiền	
PXA	SPA	ANVL	22500000	
PXB	SPB	ANVL	15000000	

III.2.4 Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

Công việc cần thực hiện				Cách thực hiện
1.C. CẬP NHẬT SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỜ DANG CUỐI KỲ Khai báo tháng: 1; Năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP</i>				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ” <u>Chú ý:</u> SL SP dở dang cuối kỳ được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành là 100%
BPHT	MA SP	SLDD	Tiền DD	
PXA	SPA	250	11250000	
PXA	SPB	180	13500000	
2.C. CẬP NHẬT NVL DỜ DANG CUỐI KỲ Khai báo năm: 2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, chi tiết đến từng loại NVL</i>				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật NVL dở dang cuối kỳ”
BPHT	Mã SP	Mã NVL	Tiền dở dang	
PXA	SPA	VLC1	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLC2	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLP1	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLP2	xxxxxxx	
3.C. TÍNH VÀ ÁP GIÁ XUẤT KHO NVL, CC DC Mục đích: Tập hợp CP NVL, CP sản xuất chung				Chọn “Kế toán hàng tồn kho\ cập nhật số liệu\ Tính giá trung bình” <u>Chú ý:</u> Để lên bảng giá trung bình của 1 tháng chọn “Kế toán hàng tồn kho\ Báo cáo hàng tồn kho\ Bảng giá TB tháng”
4.C. KẾT CHUYỂN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (621->154)				Dùng bút toán KC tự động trong phân hệ KT tổng hợp.
5.C. TÍNH SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG KỲ Mục đích: Làm cơ sở tính số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ (dùng làm hệ số phân bổ CPNVL cho các sản phẩm bên cạnh định mức NVL dành cho mỗi sản phẩm đó) Khai báo tháng, năm và BPHT cho các sản phẩm cần tính SLSP nhập kho				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Tính số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ” (Tổng hợp từ các phiếu nhập kho TP) $(SL-sx=SL-ck+SL-nk-SL-dk)$

Ma - SP	SL-dk	SL-sx	SL-ck	SL-nk	
SPA	500 (1.b)	1250	250 (1.c)	1500 (Phiếu nhập kho TP)	
6.C. TẬP HỢP VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ NVL <i>Khai báo tháng, năm, và BPHT cho các sản phẩm cần phân bổ CP NVL</i> <i>Mục đích:</i> Phân bổ CP NVL (chi tiết đến từng loại NVL) cho các sản phẩm trong PXA làm cơ sở tính tổng CP NVL cho từng loại sản phẩm. Ví dụ chi phí VLC2 cho 2 sản phẩm SPA và SPB của PXA là 48600000 sau khi phân bổ SPA: 25000000; SPB:23600000					Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Tổng hợp và phân bổ chi phí NVL”
7.C. PHÂN BỐ CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ CHI PHÍ CHUNG <i>Mục đích:</i> Phân bổ CP nhân công (622PXA) và CP chung (627xPXA) cho các sản phẩm trong PXA theo hệ số phân bổ CP nhân công CP chung được khai báo trước đó (5.a)					Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Phân bổ chi phí theo hệ số NVL”
8.C. TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM <i>Khai báo tháng, năm và BPHT cho các sản phẩm cần tính giá thành</i> <i>Mục đích:</i> Tính giá thành đơn vị sản phẩm sau khi xác định tổng giá thành SP hoàn thành trong kỳ và số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ.					Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ tính giá thành sản phẩm”
9.C. CẬP NHẬT PHIẾU CHO CÁC PHIẾU NHẬP KHO THÀNH PHẨM <i>Mục đích:</i> Áp giá thành phẩm tính được ở 8.C vào đơn giá nhập thành phẩm trong các phiếu nhập kho thành phẩm đã cập nhật trước đó mà mục đơn giá nhập kho còn tạm để trống.					Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật giá cho các phiếu nhập kho thành phẩm”
10.C. CẬP NHẬT GIÁ CHO CÁC PHIẾU XUẤT KHO THÀNH PHẨM (GIÁ TRUNG BÌNH TB)					Chọn “Hàng tồn kho\ Cập nhật số liệu\ Tính giá trung bình”

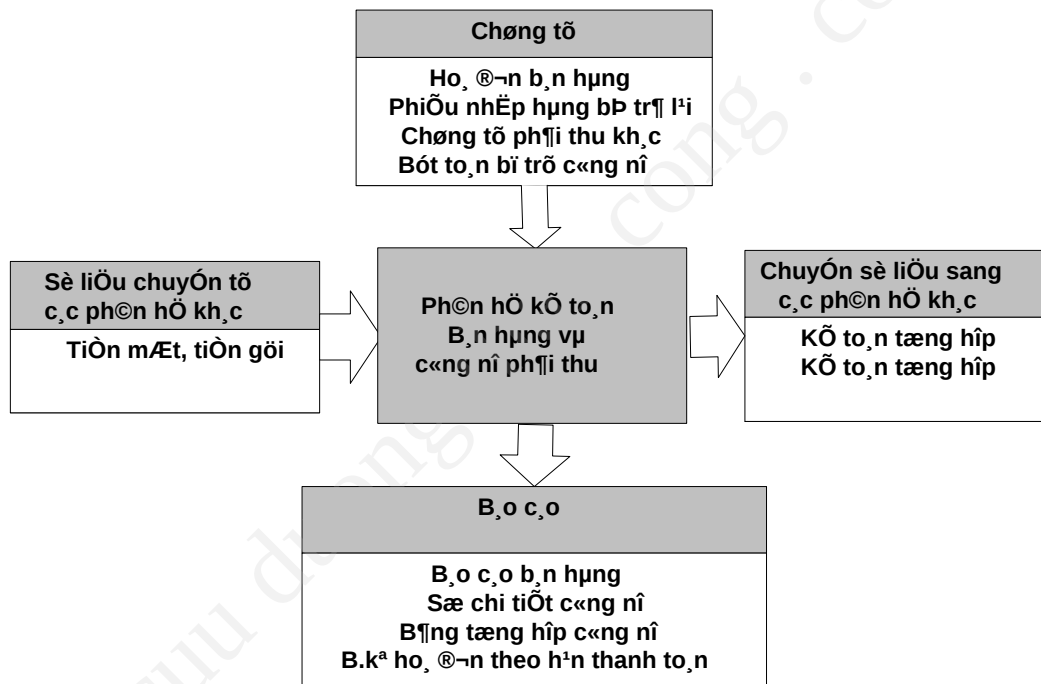
IV Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

IV.1 Nhiệm vụ

- Cập nhật các hoá đơn bán hàng, bao gồm hoá đơn bán hàng hoá và hoá đơn bán dịch vụ.
- Cập nhật danh mục giá bán của hàng hoá.
- Cập nhật các phiếu nhập hàng bán bị trả lại và dịch vụ bị trả lại.
- Cập nhật các hóa đơn giảm giá, bao gồm giảm giá dịch vụ và giảm giá hàng bán.

- Cập nhật các chứng từ ghi nợ, ghi có, bù trừ công nợ.
- Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng bán ra.
- Theo dõi giá vốn, doanh thu, lợi nhuận theo từng mặt hàng, nhóm hàng.
- Theo dõi bán hàng theo bộ phận, cửa hàng, nhân viên bán hàng, theo hợp đồng.
- Tính thuế GTGT của hàng hoá bán ra.
- Theo dõi các khoản phải thu, tình hình thu tiền và tình trạng công nợ của khách hàng.
- Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu liên kết số liệu với kế toán tiền mặt, tiền gửi để có thể lên được các báo cáo công nợ và chuyển số liệu sang phân hệ kế toán tổng hợp và kế toán hàng tồn kho.

Sơ đồ 7: Sơ đồ tổ chức của phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu



IV.2 Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

✿ Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho. Hóa đơn này lại chia thành 2 loại: hóa đơn bán hàng cho khách và hóa đơn bán hàng nội bộ. Khi cập nhật các hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho cần lưu ý các vấn đề sau:

- Khi nhập hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho thì chương trình sẽ xử lý cả 2 nghiệp vụ: bán hàng (tăng doanh số và công nợ phải thu) và xuất hàng từ kho (giảm hàng tồn kho và tăng giá vốn).

- Liên quan đến hạch toán tài khoản vật tư (tài khoản hàng tồn kho), tài khoản doanh thu, tài khoản giá vốn, tài khoản thuế thì chương trình sẽ tự động hạch toán dựa trên khai báo các tài

khoản này cho từng mặt hàng trong phần danh mục hàng hoá vật tư ở phân hệ hàng tồn kho và khai báo hạch toán thuế trong phần danh mục thuế suất.

- Các thông tin liên quan đến hóa đơn và khách hàng sẽ được chuyển vào bảng kê hóa đơn đầu ra.

- Giá bán của mặt hàng sẽ được hỗ trợ tự động lấy từ trong danh mục giá bán, nhưng khách hàng có thể thay đổi được. Khi lưu hóa đơn chương trình sẽ tự động lưu lại giá bán lần cuối cùng vào danh mục giá bán. Trong trường hợp doanh nghiệp có hệ thống giá bán thống nhất thì chương trình sẽ được sửa theo yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp.

- Chương trình cho phép sửa lại định khoản thuế, số tiền thuế.

- Chương trình cho phép nhập tỷ lệ chiết khấu và tiền chiết khấu cho từng mặt hàng theo nhiều tỷ lệ chiết khấu khác nhau.

❁ Phiếu nhập hàng bán bị trả lại

Khi phát sinh nghiệp vụ khách hàng trả lại hàng, số liệu được nhập tại menu "Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Cập nhật số liệu/ Phiếu nhập hàng bán bị trả lại". Chương trình cho phép tra cứu lại hoá đơn đã xuất bán ra trước đó. Lúc này, trên bảng kê thuế GTGT đầu ra sẽ ghi âm doanh số và ghi âm số tiền thuế GTGT phải nộp.

Các thông tin liên quan đến phiếu nhập hàng bán bị trả lại cũng như cách thức nhập chứng từ này tương tự như nhập hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho đã trình bày ở trên.

- ❁ Phân bổ tiền hàng cho các hóa đơn: Nếu doanh nghiệp có theo dõi thanh toán chi tiết cho từng hóa đơn, chứng từ này được dùng để điều chỉnh số tiền còn phải thu của các hóa đơn bán hàng đã xuất ra khi lên các báo cáo chi tiết công nợ theo hóa đơn. Việc điều chỉnh này được thực hiện ở menu "Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Cập nhật số liệu/ Phân bổ tiền hàng cho các hóa đơn".

- ❁ Hàng hóa, dịch vụ bị trả lại: Trường hợp khách hàng trả lại hàng hoá, dịch vụ đã mua thì số liệu được nhập tại menu "Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Cập nhật số liệu/ Hàng hóa, dịch vụ bị trả lại".

- ❁ Hóa đơn giảm giá: Trong một số trường hợp, hàng hóa bán ra hoặc dịch vụ cung cấp cho khách hàng không đảm bảo yêu cầu về một vấn đề nào đó, doanh nghiệp phải giảm giá cho khách hàng. Khi nghiệp vụ này phát sinh, doanh nghiệp phải xuất hóa đơn giảm giá cho khách hàng, các chứng từ này được cập nhật tại menu "Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Cập nhật số liệu/ Hóa đơn giảm giá". Thuế GTGT đầu ra trên bảng kê thuế GTGT đầu ra sẽ ghi âm doanh số và ghi âm số tiền thuế GTGT phải nộp.

❁ Một số vấn đề liên quan đến quản lý bán hàng

Chương trình lưu giá bán lần cuối của từng mặt hàng và khi chọn một mặt hàng, chương trình tự động gán giá vào trường giá bán, tuy nhiên người sử dụng có thể sửa lại giá bán cho đúng với giá bán trên hoá đơn.

Trong trường hợp doanh nghiệp bán theo hệ thống giá thống nhất thì tùy theo cách thức xác định hệ thống giá bán chương trình sẽ được sửa theo yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp.

Trong trường hợp bán hàng có chiết khấu thì chương trình cho phép nhập số tiền chiết khấu và tài khoản hạch toán chiết khấu bán hàng.

Trong trường hợp chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán theo một hệ thống thống nhất thì chương trình sẽ được sửa theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Fast Accounting cho phép quản lý doanh thu theo bộ phận kinh doanh và có thể đến tận nhân viên bán hàng. Việc quản lý này được thông qua danh mục bộ phận bán hàng và mỗi khi nhập một hoá đơn bán hàng thì phải chỉ rõ doanh thu được tính cho bộ phận nào hoặc cho nhân viên bán hàng nào.

Đối với các mặt hàng tính giá vốn theo phương pháp đích danh, người sử dụng phải tự cập nhật giá vốn. Chương trình cho phép chọn phiếu nhập để thực hiện xuất hàng theo phiếu nhập.

Đối với các mặt hàng tính giá vốn theo phương pháp giá trung bình tháng, trung bình di động hoặc nhập trước xuất trước, giá vốn được tính vào cuối tháng và chương trình sẽ tự động cập nhật vào các phiếu xuất bán.

Trong một số trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp xuất hàng cho khách trong kỳ nhưng xuất hoá đơn vào cuối kỳ. Lúc này, khi xuất kho trong kỳ mà chưa xuất hoá đơn ta làm phiếu xuất điều chuyển từ kho công ty sang kho đại lý (xem khách hàng là 1 đại lý). Khi xuất hoá đơn cho khách hàng thì hoá đơn bán hàng xuất từ kho đại lý hoặc làm phiếu xuất điều chuyển lại từ kho đại lý về kho công ty, sau đó làm hoá đơn bán hàng xuất từ kho công ty.

V. Kế toán vốn bằng tiền

V.1 Nhiệm vụ

Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ở các ngân hàng, các công ty tài chính và các khoản tiền đang chuyển.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng, có thể gọi đó là mạch máu lưu thông của doanh nghiệp. Đây là tài sản có tính luân chuyển cao nhất nên đòi hỏi phải có những nguyên tắc quản lý chặt chẽ tránh thất thoát, gian lận. Vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp.

Kế toán vốn bằng tiền có nhiệm vụ:

- Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động tăng hoặc giảm hàng ngày của tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng,....Hạn chế hết sức tiền mặt tồn quỹ, chỉ giữ lại ở mức thoả thuận giữa ngân hàng và doanh nghiệp. Cuối mỗi ngày phải đối chiếu số dư trên sổ sách kế toán và sổ thực tế tại quỹ để xử lý kịp thời những sai sót.

- Giám đốc chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu, chi, quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (TGNH), quản lý ngoại tệ, vàng bạc, đá quý. Khuyến khích việc thanh toán không dùng tiền mặt. Định kỳ đối chiếu số dư trên sổ sách của doanh nghiệp với số dư ở ngân hàng để kịp thời xử lý chênh lệch.

Chứng từ kế toán được sử dụng là: các phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, biên lai thanh toán, băng kiểm kê quỹ... Các loại sổ sách kế toán liên quan đến phần hành kế toán vốn bằng tiền là sổ quỹ tiền mặt, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng...

Một phần mềm kế toán được lập trình đảm bảo cho kế toán vốn bằng tiền hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ trên, các loại chứng từ dùng để hạch toán tương tự như kế toán thủ công. Tuy nhiên, toàn bộ quá trình nhập, lưu trữ và xử lý các chứng từ được thực hiện thông qua máy vi tính.

V.2 Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền

Khi một nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán tiến hành ghi sổ tương tự như kế toán thủ công. Tuy nhiên, việc ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện trên máy với nguyên tắc lưu trữ một lần. Đây là điểm khác nhau cơ bản giữa kế toán máy và kế toán thủ công.

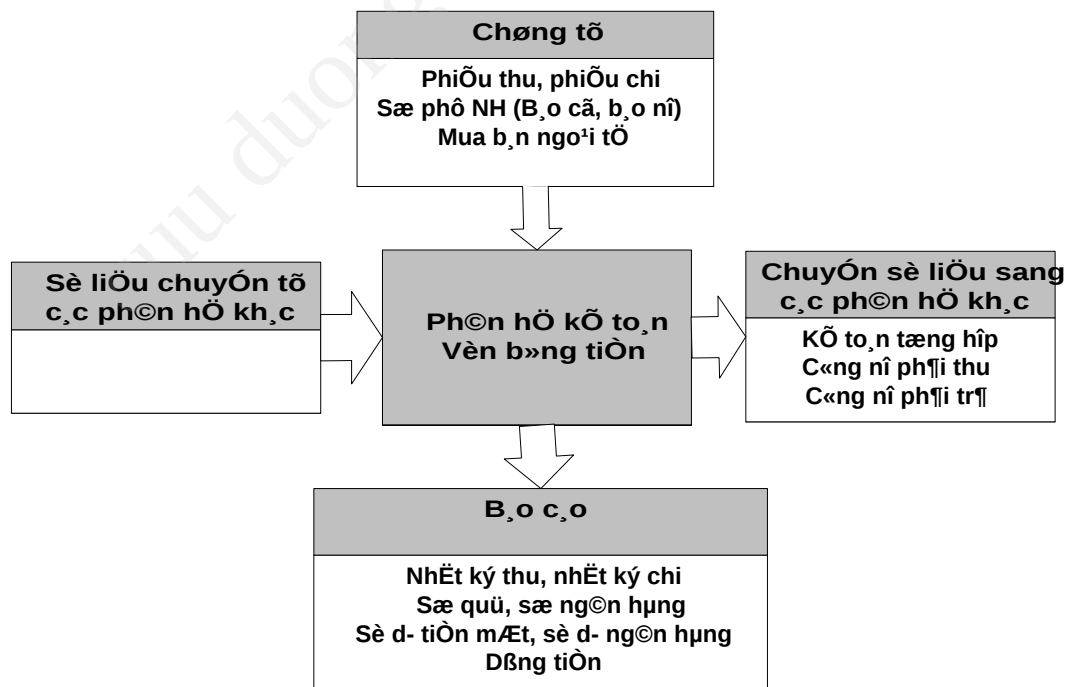
Khi tiến hành công tác kế toán trên máy, trước hết kế toán vốn bằng tiền phải tự thiết lập hệ thống tài khoản để mã hoá các loại vốn bằng tiền tương ứng. Việc mã hoá này đồng thời với việc mở sổ tổng hợp hay chi tiết cho đối tượng kế toán cần theo dõi. Thông thường phần việc này được thực hiện trước khi đưa phần mềm vào sử dụng. Tuy nhiên, kế toán có thể sửa chữa nội dung đã được mã hoá trong bảng mã tài khoản theo yêu cầu sử dụng. Sau khi tiến hành đăng ký, sửa đổi nội dung các tài khoản cần sử dụng, kế toán chỉ nhập một chứng từ liên quan đến cả hai tài khoản trên, khi đó máy sẽ tự tách chứng từ để ghi vào hai loại sổ tương ứng. Nếu kế toán tiền mặt đã vào thì kế toán tiền gửi không vào máy nữa mà chỉ soát lại và cấp phiếu chứng từ thứ hai (số phiếu báo Nợ) nếu cần thiết.

Để đảm bảo lập báo cáo kế toán chính xác, cuối mỗi ngày, kế toán viên phải tiến hành xem, sửa, in chứng từ, đối chiếu chứng từ gốc với các sổ sách kế toán trong chương trình kế toán máy.

Các chương trình kế toán máy khác nhau sẽ có các thao tác nhập sửa chứng từ khác nhau. Tuy nhiên, tất cả các chương trình kế toán máy đều bao gồm các chức năng cho phép nhập chứng từ, xem, sửa, in chứng từ, xem in sổ dư tài khoản, in định khoản các tài khoản,...

Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế, kế toán tiến hành lựa chọn loại chứng từ, sổ phù hợp để ghi nhận. Với kế toán máy sau khi đăng ký chính xác các hệ thống công cụ kế toán, đầu vào kế toán và vào đúng các nghiệp vụ phát sinh, công việc còn lại do máy thực hiện theo chương trình, người sử dụng phải thực hiện một số câu lệnh điều khiển chương trình hoạt động theo yêu cầu.

Sơ đồ 8: Sơ đồ tổ chức của phân hệ kế toán vốn bằng tiền



🌸 Các thông tin của phiếu thu tiền mặt

FAST Phiếu thu

Loại phiếu thu	9	Khác	Số pt	1
Mã khách	NVTNV	Nguyễn văn Tư	Ngày ht	02/01/2005
Địa chỉ	Phòng Vật Tư		Ngày lập pt	02/01/2005
Ng. nộp tiền	Nguyễn văn tư		TGGD	VND 1,00
Lý do nộp	Thu lại khoản tạm ứng		Hạn TT	0
Tk nợ	1111	Tiền mặt Việt Nam		

F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc
141	Tạm ứng	100 000	Thu lại khoản tạm ứng	

☐ Sửa trường tiền ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

100 000

Số HĐ

Trạng thái 1 0 - Chưa, 1 - Đã chuyển vào sổ cái

Lưu Mới Copy In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

🌸 Phân loại phiếu thu

- Thu tiền chi tiết theo từng hóa đơn (loại phiếu thu bằng 1)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng khi thu tiền bán hàng hoặc thu lại tiền cho vay hoặc khoản tạm ứng trước đó và khi nhập liệu phải chỉ rõ là thu tiền của hóa đơn nào hoặc của phiếu chi cho vay, tạm ứng cụ thể.
 - Trong trường hợp thu tiền của nhiều hóa đơn thì phải tách số tiền ra theo từng hóa đơn 1.
 - Tài khoản đối ứng sẽ là tài khoản ghi trên hóa đơn và chương trình tự động lấy tài khoản này để hạch toán.
 - Số tiền đã thu của hóa đơn hiện trên màn hình là tổng số tiền đã thu liên quan đến hóa đơn này trừ đi số tiền thu theo phiếu thu hiện tại. Trong trường hợp lọc chứng từ cũ ra sửa thì số tiền đã thu sẽ bao gồm cả các số tiền của các phiếu thu sau phiếu thu hiện thời.
 - Khi loại tiền thu trên phiếu thu khác với loại tiền trên hóa đơn bán hàng thì phải nhập số tiền quy đổi tương ứng với loại tiền ghi trên hóa đơn. Lúc này chương trình sẽ tự động hạch toán số tiền chênh lệch tỷ giá so với số tiền trên hóa đơn.
- Thu tiền của một khách hàng (loại phiếu thu bằng 2)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng khi ta thu tiền của các món công nợ phải thu nhưng chỉ quan tâm đến đối tượng công nợ (khách hàng, người vay tiền, tạm ứng) mà không cần phải chỉ rõ thu tiền của hóa đơn nào, phiếu chi nào ngay khi nhập liệu.

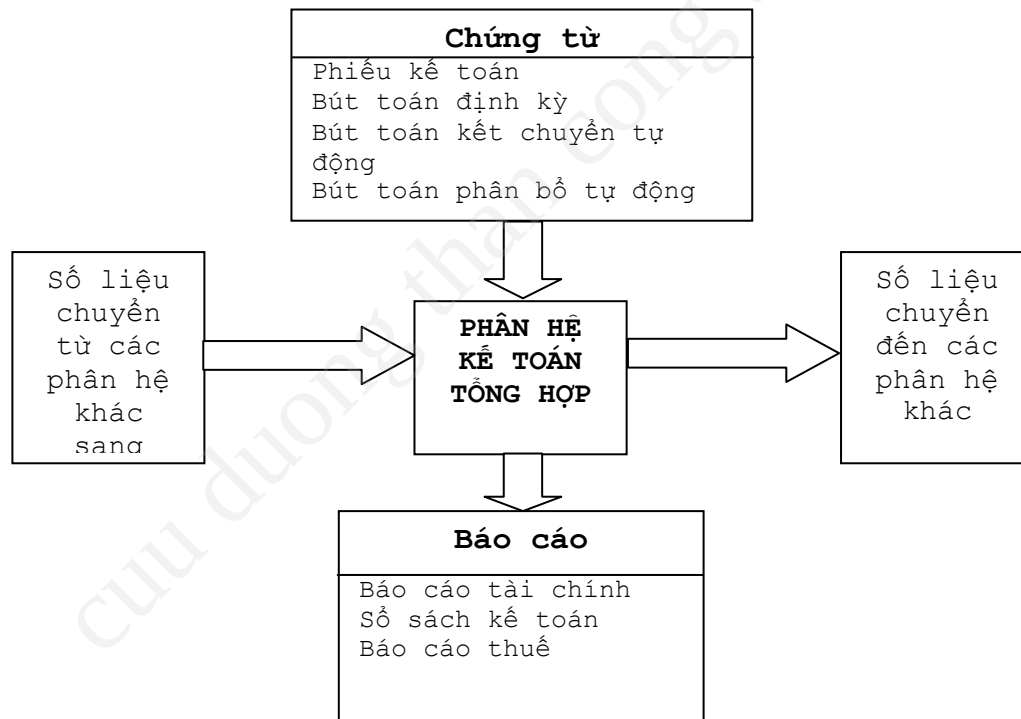
- Việc phân bổ số tiền đã thu cho từng hóa đơn có thể thực hiện sau đó (sau khi đã lưu chứng từ, hoặc lọc chứng từ đã nhập trước đó) bằng cách kích chuột vào nút "Số HĐ". Khi này chương trình sẽ cho hiện lên các hóa đơn liên quan đến khách hàng hiện thời chưa tất toán để ta thực hiện phân bổ số tiền thu cho các hóa đơn tương ứng. Chức năng phân bổ này còn được thực hiện ở menu: Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Cập nhật số liệu/ Phân bổ thu tiền hàng cho các hóa đơn.
- Trong trường hợp không liên quan ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá giao dịch, tỷ giá ghi sổ thì ta có thể dùng loại phiếu thu bằng 9.
 - Thu tiền của nhiều khách hàng (loại phiếu thu bằng 3)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng khi thu tiền của nhiều đối tượng công nợ trên 1 phiếu thu.
 - Nhận (thu) tiền đi vay (loại phiếu thu bằng 4)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng đối với các khoản tiền đi vay và khi chi trả vay phải chỉ rõ là chi trả cho số phiếu thu nào khi nhận tiền vay.
 - Trong trường hợp sau này không cần phải theo dõi trả vay chi tiết theo số phiếu thu thì ta có thể sử dụng loại phiếu thu bằng 9
 - Chuyển tiền ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 5)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng trong trường hợp chuyển tiền ngoại tệ (rút tiền ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ, nhận chuyển tiền từ ngân hàng B vào ngân hàng A) và sử dụng chức năng tự động cập nhật tỷ giá giao dịch của phiếu thu bằng tỷ giá ghi sổ khi chi tiền ngoại tệ.
 - Trong trường hợp tỷ giá giao dịch của phiếu thu do người sử dụng tự cập nhật, không sử dụng chức năng tự động cập nhật của chương trình thì có thể sử dụng loại phiếu thu bằng 9.
 - Mua ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 6)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng trong trường hợp định kỳ cuối tháng sử dụng chức năng cập nhật lại tỷ giá giao dịch được khai báo trong danh mục tỷ giá cho các phiếu thu ngoại tệ. Chương trình sẽ cập nhật lại tỷ giá giao dịch cho các phiếu thu ngoại tệ trừ các phiếu thu thuộc loại mua ngoại tệ (theo tỷ giá thỏa thuận với người bán ngoại tệ).
 - Trong trường hợp tỷ giá giao dịch do người sử dụng tự cập nhật mà không sử dụng chức năng tự động cập nhật của chương trình thì có thể sử dụng loại phiếu thu bằng 9.
 - Người mua trả tiền trước (loại phiếu thu bằng 7)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng trong trường hợp ta muốn theo dõi thu tiền chi tiết theo hóa đơn và khi nhận tiền của người mua trả trước thì hạch toán qua tài khoản công nợ trung gian.
 - Lưu ý là loại phiếu thu này thường được sử dụng trong trường hợp liên quan đến ngoại tệ và phải tính toán tỷ giá ghi sổ, hạch toán chênh lệch liên quan đến tỷ giá.
 - Nhận (thu) tiền trả trước của người mua. Hạch toán qua tài khoản “Nhận tiền trả trước của khách hàng”.
 - Sau khi xuất hóa đơn cho khách hàng thực hiện bút toán bù trừ công nợ giữa tài khoản “Nhận tiền trả trước của khách hàng” và tài khoản “Công nợ phải thu”. Bút toán này được chi tiết cho từng hóa đơn.
 - Trong trường hợp không liên quan đến ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ghi sổ và tỷ giá giao dịch thì có thể sử dụng loại phiếu thu bằng 9.
 - Thu khác (loại phiếu thu bằng 9)
 - Loại phiếu thu này được sử dụng trong các trường hợp còn lại, không thuộc các loại phiếu thu nêu trên.

VI. Kế toán tổng hợp

Phân hệ kế toán tổng hợp có thể được dùng như một phân hệ cơ sở và độc lập hoặc liên kết thống nhất với tất cả các phân hệ khác. Nó thực hiện việc tổng hợp số liệu từ tất cả các phân hệ khác, làm cơ sở lên sổ sách, báo cáo kế toán và khoá sổ kế toán.

Số lượng chứng từ giao dịch cập nhật ở phân hệ kế toán tổng hợp nhiều hay ít phụ thuộc vào mức độ sử dụng các phân hệ kế toán khác. Nếu sử dụng các phân hệ kế toán khác nhiều thì số chứng từ cập nhật ở phân hệ kế toán tổng hợp càng ít. Phân hệ tổng hợp thường được dùng để cập nhật các nghiệp vụ kế toán khác, không có chứng từ cụ thể, như các bút toán phân bổ (lương, chi phí bảo hiểm y tế, công đoàn phí, chi phí khấu hao TSCĐ), các bút toán bù trừ công nợ giữa các khách hàng và các bút toán kết chuyển cuối kỳ.

Sơ đồ 9: Sơ đồ tổ chức của phân hệ kế toán tổng hợp



+ Phương pháp thủ công: Lấy số dư hiện thời của các tài khoản liên quan từ bảng cân đối thử làm cơ sở số liệu để thực hiện các bút toán phân bổ và kết chuyển bằng cách sử dụng phiếu kế toán. Phương pháp thủ công có nhiều điểm hạn chế và tốn thời gian, đặc biệt trong những tình huống sau:

- Số lượng các bút toán phân bổ và kết chuyển có thể rất lớn (lên tới vài trăm) trong trường hợp quản lý chi tiết về chi phí và doanh thu theo loại hình kinh doanh và bộ phận kinh doanh.

- Mỗi khi điều chỉnh lại số liệu gốc, phải tiến hành sửa lại các bút toán phân bổ và kết chuyển thủ công trước đó.

Những hạn chế này có thể được khắc phục bằng phương pháp phân bổ và kết chuyển tự động, dựa trên cơ sở:

- Các bút toán phân bổ và kết chuyển đều lặp lại giống nhau vào cuối các kỳ kế toán.
- Cách lấy số liệu có thể được thực hiện khá dễ dàng bởi chương trình kế toán được viết bằng ngôn ngữ cơ sở dữ liệu.

Fast Accounting có thể thực hiện được các bút toán phân bổ và kết chuyển tự động. Quy trình thực hiện như sau:

- + Thực hiện tổng hợp số liệu cuối tháng.
- + Cập nhật danh mục các bút toán phân bổ/kết chuyển tự động.
- + Yêu cầu chương trình tự động tạo các bút toán phân bổ/kết chuyển đã khai báo trong danh mục các bút toán phân bổ/ kết chuyển.

Khi chương trình thực hiện các bút toán kết chuyển, tất cả các giao dịch, kể cả các giao dịch tự động kết chuyển và tự động phân bổ được thực hiện trước bút toán kết chuyển tiếp theo, đều được tham gia vào quá trình tính toán, nên cần thực hiện các bút toán kết chuyển tự động theo đúng thứ tự cần thiết..

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- PGS.TS Nguyễn Văn Công, 2004, Vận dụng chuẩn mực kế toán mới vào các phân hành kế toán doanh nghiệp.
- TS.Trần Thị Song Minh, 2005, Chương III: Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING trong Giáo trình kế toán máy, Trang 85 - 216, NXB Lao động-Xã hội
- Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Hướng dẫn thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING
- Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Số liệu thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG III

1. Hãy so sánh sự khác nhau, giống nhau khi tiến hành công tác kế toán tài sản cố định, kế toán vốn bằng tiền theo phương pháp thủ công và kế toán máy
2. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả
3. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu
4. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán vốn bằng tiền
5. Chứng từ trùng và vấn đề khử trùng trong FAST ACCOUNTING

BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG III

Cuu duong than cong . com